

Bản án số: 262/2017/DS-PT
Ngày 08 - 11 - 2017
V/v Tranh chấp thừa kế quyền sử
dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Trần Xuân Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2016/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2016 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2016/DSST ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐPT ngày 10 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Mỹ D, sinh năm 1956; có mặt.

Địa chỉ: đường X, phường Y, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lưu Tấn C, sinh năm 1953 (chết năm 2012);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C gồm:

- Bà Lê Thị K, sinh năm 1959;

- Bà Lưu Tấn Thị O, sinh năm 1975;

- Bà Lưu Tấn Thị Ph, sinh năm 1977;

- Anh Lưu Thành T, sinh năm 1994;

- Anh Lưu Kim T1, sinh năm 1996;

- Anh Lưu Thành Th, sinh năm 1998;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà K, anh T, anh T1, bà Ph, anh Th là bà Lưu Tấn Thị O; có mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2015 và ngày 14/4/2015).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã S, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lâm Thị Mỹ H, sinh năm 1958; có mặt.

- Anh Trần Thanh T2, sinh năm 1988;

- Chị Trần Thị Thanh Th1, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã S, huyện Ch Tỉnh Trà Vinh.

- Bà Lâm Thị Mỹ Ng, sinh năm 1963;

- Anh Trương Lâm Thanh Tr, sinh năm 1996;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho anh Trương Lâm Thanh Tr là bà Lâm Thị Mỹ Ng theo văn bản ủy quyền ngày 29/11/2014; có mặt.

Cùng địa chỉ: đường X, phường Y1, quận B1, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1947; vắng mặt.

Địa chỉ: S P 10458 USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2011 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lâm Thị Mỹ D trình bày:

Cha bà là cụ Lưu Tấn H1 và mẹ là cụ Lê Thị Đ có 06 người con: Bà Lâm Thị Mỹ D, ông Lưu Tấn Th2 (chết 2006 chưa có vợ), bà Lâm Thị Mỹ H, bà Lâm Thị Mỹ Ng, ông Lưu Tấn C chết năm 2012 (ông C có vợ là bà Lê Thị K, và có 05 con chung là bà Lưu Tấn Thị O, bà Lưu Tấn Thị Ph, anh Lưu Thành T, anh Lưu Kim T1, anh Lưu Thành Th) và một người con riêng của cụ Đ là bà Nguyễn Thị B hiện đang định cư tại Hoa Kỳ (Mỹ).

Cụ H1 chết năm 1999, cụ Đ chết năm 2003 không để lại di chúc. Di sản của Cụ H1, cụ Đ để lại và hiện có tranh chấp là (tạm gọi mảnh đất hai thửa) gồm: Thửa 192, và thửa 193, diện tích khoảng 4900 m² cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Tr1, xã S, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh do hộ bà Lê Thị Đ đứng tên quyền sử dụng đất (hiện nay do vợ và con ông Lưu Tấn C quản lý) trên mảnh đất này có nhà thờ (hiện bà đang ở tạm) và nhà mồ. Mảnh đất (tạm gọi mảnh đất bốn thửa) gồm: Thửa 207, thửa 208, thửa 209, thửa 210 diện tích khoảng 2700 m² cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Tr1, xã S, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh do cụ Đ đứng tên quyền sử dụng đất (hiện nay bà H đang quản lý sử dụng).

Nay bà yêu cầu chia di sản thừa kế đối với mảnh đất hai thửa 192, 193 diện tích khoảng 4900 m² cho 04 người con còn lại, cho mỗi người 1000 m² trong đó bà xin được hưởng 1000 m² và còn lại 900m² cùng với căn nhà và bà xin quản lý để thờ cúng.

Đối với mảnh đất bốn thửa diện tích khoảng 2700 m² lúc cụ Đ lúc còn sống đã cho bà H nên bà không yêu cầu chia thừa kế mảnh đất này.

Bị đơn bà Lưu Tấn Thị O là người đại diện theo ủy quyền cho bà Lê Thị K, bà Lưu Tấn Thị Ph, anh Lưu Thành T, anh Lưu Kim T1, anh Lưu Thành Th cùng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của hộ ông Lưu Tấn C trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của bà D về quan hệ họ hàng. Về di sản của Cụ H1, cụ Đ đối với mảnh đất hai thửa 192, 193 diện tích khoảng 4900 m² do bà nội bà là cụ Đ được nhà nước cấp theo chương trình giãn dân. Sau đó, Nhà nước có chủ trương đất của ai phải trả lại cho chủ cũ, từ đó cụ Đ cùng với cha bà là ông Lưu Tấn C, bà Lâm Thị Mỹ Ng, bà và em bà Lưu Tấn Thị Ph cùng ở chung hộ làm dành dụm mua lại thửa đất này từ chủ cũ tên là ông Thạch Sane được sử dụng ổn định và tất cả trong hộ đồng ý cho cụ Đ đứng tên quyền sử dụng đất. Hiện nay, trên mảnh đất này có nhà thờ do bà Ng và bà B tu sửa thành nhà tường, có nhà của ông C (hiện do vợ và con ông C quản lý), có nhà của bà H, có nhà của bà cất trên đất diện tích 400 m², có nhà bà Ph diện tích 300 m² được cụ Đ cho lúc cụ Đ còn sống và không phát sinh tranh chấp gì nhưng do giấy đỏ bà H mượn thế chấp ngân hàng nên không đăng ký tách được cho đến khi cụ Đ chết và nhà mồ. Nay bà D yêu cầu chia thừa kế mảnh đất hai thửa 192 và 193, chị yêu cầu bà D phải trừ ra diện tích mà cụ Đ đã cho bà 400 m² và cho bà Ph 300 m² xong rồi mới chia thừa kế.

Ngoài ra, cụ Đ còn đứng tên mảnh đất bốn thửa 207, thửa 208, thửa 209 và thửa 210 tổng diện tích khoảng 2700 m² cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Tr1, xã S, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh (hiện nay bà H đang quản lý) vì lúc cụ Đ còn sống đã cho bà H để ra riêng, do đó bà H không còn được hưởng mảnh đất hai thửa 192, 193. Nếu như bà H có được mảnh đất bốn thửa diện tích 2700 m² đó rồi mà còn yêu cầu chia thừa kế mảnh đất hai thửa diện tích 4900 m² thì bà yêu cầu Tòa án xem xét thửa đất nào của cụ Đ đứng tên thì chia thừa kế hết cho các đồng thừa kế của cụ Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Mỹ Ng và là người đại diện cho anh Trương Lâm Thanh Tr trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của bà D về quan hệ họ hàng. Về phân tài sản của cụ Đ cụ thể như sau:

Căn nhà số 133/21, đường X, Phường Y, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà này do bà B, bà H và bà D tự ý bán vào năm 1980 để chia nhau hiện nay không còn.

Diện tích đất nông nghiệp 11000 m² tại ấp L, xã S, huyện Ch. Diện tích đất này lúc cha mẹ còn sống đã chia điều cho các con mỗi người 2000 m².

Mảnh đất hai thửa 192, 193 diện tích khoảng 4900 m², mảnh đất này có được là do chính sách giãn dân cấp cho hộ gia đình trong đó có bà, ông C và cụ Đ. Đến năm 1993 thì bà và ông C cùng các con đồng ý cho mẹ là cụ Đ đứng tên quyền sử dụng đất, đến năm 1995 trong ngày cưới có sự chứng kiến hai họ, cha mẹ bà tuyên bố cho bà mảnh đất hai thửa 192, 193 này trong đó có nhà thờ tổ tiên để sau này lo hương quả cho gia tộc, căn nhà này bà và bà B đã xây dựng lại thành nhà tường vào năm 1996.

Nay bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà D vì mảnh đất này bà cùng thành viên trong hộ là người có công cải tạo mới được như ngày hôm nay, đối

với bà D đã được cha mẹ cho phần riêng lúc bà D còn đang ở Sài Gòn nhưng bà D đã bán hết.

Nhận thấy thấy hoàn cảnh bà D khó khăn nên bà đồng ý cho bà D 500 m² đất lúa trong mảnh đất này, đồng thời bà đồng ý chia lại cho bà K (vợ ông C) cùng các cháu T, T1, Th (con ông C) 300 m² đất thổ cư và 500 m² đất nông nghiệp cùng căn nhà số 225 do ông C và bà K tạo dựng trên thửa 193. Cho cháu O 400 m² đất thổ cư cùng căn nhà số 219 do cháu O tạo dựng và cháu Ph 300 m² đất thổ cư cùng trên thửa 193 theo di nguyện của cha mẹ lúc còn sống. Sau khi phân chia xong, mảnh đất hai thửa 192, 193 còn lại khoảng 2900 m² và căn nhà thờ tổ cùng nhà mồ trên mảnh đất này bà xin đứng tên sở hữu để thờ cúng ông bà.

Ngoài ra cụ Đ còn đứng tên mảnh đất bốn thửa 207, thửa 208, thửa 209 và thửa 210 tổng diện tích khoảng 2700 m² cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Tr1, xã S, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh (hiện nay bà H đang quản lý) vì lúc cụ Đ còn sống đã cho bà H để ra riêng, do đó bà H không còn được hưởng mảnh đất hai thửa 192, 193. Nếu như bà H có được mảnh đất bốn thửa diện tích 2700m² đó rồi mà còn yêu cầu chia thừa kế mảnh đất hai thửa diện tích 4900 m² thì bà yêu cầu Tòa án xem xét hết các thửa đất nào của cụ Đ đứng tên thì chia thừa kế hết cho các đồng thừa kế của cụ Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Mỹ H và là người đại diện cho anh Trần Thanh T2 và chị Trần Thị Thanh Th1 trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của bà D về quan hệ họ hàng và xin được chia thừa kế là 1000m² trong mảnh đất hai thửa 192, 193 tổng diện tích khoảng 4900 m² cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Tr1, xã S, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh.

Đối với mảnh đất bốn thửa 207, thửa 208, thửa 209 và thửa 210 tổng diện tích khoảng 2700 m² cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc ấp Tr1, xã S, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh do cụ Đ đứng tên quyền sử dụng đất, hiện nay bà đang quản lý, bà không đồng ý cho chia thừa kế vì bốn thửa đất này là tài sản riêng của bà mua năm 1994 của ông Nguyễn Thanh T3 và bà Nguyễn Thị N, do lúc đó bà đang ở Sài Gòn không ở chung hộ khẩu chỉ có con bà là cháu Th1 ở chung hộ nên mới cho mẹ đứng tên dùm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B theo biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2012 trình bày:

Bà là con riêng của bà Lê Thị Đ với ông Lê Văn Th2, lúc còn nhỏ bà sống với cụ Đ, hiện tại bà đang định cư tại Hoa Kỳ. Về phần nhà và đất tranh chấp bà không có công sức đóng góp gì chỉ có gửi tiền về xây nhà tổ. Nay bà không có yêu cầu chia thừa kế về nhà và đất tranh chấp trên và bà xin được xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2016/DSST ngày 01 tháng 6 năm 2016, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 34, 131, 142, Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 674, 675, 676, Bộ luật dân sự.

Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn yêu cầu chia thừa kế của bà Lâm Thị Mỹ D.

Phần di sản của bà Lê Thị Đ để lại 2300 m² đất chia làm 04 kỷ phần mỗi kỷ phần 575 m².

Phần của bà Lâm Thị Mỹ Ng là 2300 m² ngang giáp quốc lộ 60 là 43 m, ngang giáp thửa 190, 191 là 31.25 m, dài 62 m, đo từ hướng nam giáp lộ Tr1 đo qua cộng một phần hưởng suất thừa kế.

Bà Lâm Thị Mỹ H được chia 575 m² phần nhà và đất bà H đang sử dụng ngang giáp quốc lộ 60 là 10.2 m còn thiếu 1.3 m, ngang giáp thửa 190, 191 là 7.81, dài 59.5 m bằng 497.1 m của hướng nam, bắc. Phần còn thiếu bằng 77.35 m sẽ được đo tiếp trên phần đất tiếp theo từ giáp ranh của bà D đo qua hướng bắc.

Ông Lưu Tân C được chia 575 m² ngang giáp quốc lộ 60 là 11.5 m hiện bà K sử dụng nhà 6.5 m, nhà thờ 6 m, là 12.5 m dư 01 m giao cho bà K, anh Th. Ngôi nhà thờ giao cho bà K, anh Th sử dụng, bà K, anh Th trả giá trị phần đất dư cho bà Ng 01 m theo giá Hội đồng định giá 200.000 đồng/m². Tổng số tiền bà K, anh Th phải trả cho bà Ng đối phần đất dư ra đối với 01 m (ngang 01 m, dài 59.5 m) bằng 11.900.000 (mười một triệu chín trăm ngàn đồng).

Bà Lâm Thị Mỹ D được chia 575 m² ngang giáp quốc lộ 60 là 11.5 m, ngang giáp thửa 190, 191 là 7.81 m, chiều dài hướng nam, bắc là 59.5 m đo từ giáp nhà bà Ph đo qua hướng bắc.

Bà Lâm Thị Mỹ Ng được chia 575 m² ngang giáp quốc lộ 60 là 11.5 m, ngang giáp thửa 190, 191 là 7.81 m, dài hướng nam, bắc là 59.5 m.

Bà Ph được chia 300 m² ngang giáp quốc lộ 60 là 5 m, ngang giáp thửa 190, 191, là 5 m, dài 60 m, đo giáp nhà thờ cụ Đ để lại đo qua.

Công nhận cho bà O được sử dụng 97.2 m² (5 m * 19.44 m) đo từ hướng bắc đo qua giáp thửa 187, 188, 189, nhưng phải trả giá trị quyền sử dụng đất cho bà Ng theo giá Hội đồng định giá 200.000 đồng/m². Tổng số tiền bà O phải trả lại cho bà Ng đối với diện tích 97.2 m² bằng 19.440.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm bốn mươi ngàn đồng).

Sau khi án có hiệu lực các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký phần đất được chia để được cấp quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/6/2016 bà Lâm Thị Mỹ D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lâm Thị Mỹ D vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà được chia thừa kế diện tích đất 4.900m², về phần bà được nhận phần đất 1.000m² và phần đất 900m² có nhà thờ để bà quản lý. Bà D cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra các tình tiết, chứng cứ lập luận cho rằng kháng cáo của

bà Lâm Thị Mỹ D là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét đơn kháng cáo của bà Lâm Thị Mỹ D như sau:

[1] Bà Lâm Thị Mỹ D khởi kiện bị đơn ông Lưu Tấn C yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất 4.900m² thuộc thửa 192 và 193, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Tr1, xã S, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh do cụ Lê Thị Đ chết để lại. Diện tích đất nêu trên được UBND huyện Ch cấp cho hộ cụ Lê Thị Đ năm 1997. Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 4.900m² cấp cho hộ cụ Đ gồm 04 người đủ 15 tuổi trở lên là cụ Lưu Tấn H1, cụ Lê Thị Đ, bà Lâm Thị Mỹ Ng và bà Lưu Tấn Thị Ph. Năm 1999 Cụ H1 chết, trong hộ chỉ còn 03 người; bà Ph chỉ yêu cầu chia cho bà phần đất 300m², còn lại 4.600m² xác định là tài sản chung của cụ Đ và bà Ng, từ đó chia thừa kế phần của cụ Đ. Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ cụ Đ có những ai thực tế sinh sống và canh tác trên đất. Bà Ph và bà O có bản tự khai xác định đất do cụ Đ, ông C, bà Ng, bà Ph và bà O cùng thỏa thuận mua (BL 158-159). Vậy cần làm rõ thời điểm này, bà O có thực tế ở trên đất không. Việc xác định đất cấp cho hộ gia đình gồm những cá nhân nào theo đúng quy định tại điều 109 Bộ luật dân sự, cấp sơ thẩm chỉ căn cứ dựa trên sổ hộ khẩu gia đình để xác định những người có tên trong hộ khẩu là không đảm bảo tính chính xác, cần phải thu thập hồ sơ cấp đất trong đó có tài liệu nào chứng minh các nhân khẩu thực tế sinh sống trên đất khi đăng ký quyền sử dụng đất. Từ đó mới có căn cứ để xác định phần di sản cụ Đ để lại.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bà Lưu Tấn Thị O và Lưu Tấn Thị Ph có yêu cầu công nhận phần diện tích 400m² bà O đang sử dụng và 300m² bà Ph đang sử dụng là tài sản cụ Đ đã cho riêng các bà từ khi còn sống (đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 25/5/2015 – BL 258, 259, 262, 262a). Đối với yêu cầu này, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, bà O và bà Ph đã đóng tạm ứng án phí để giải quyết. Tuy nhiên, Tòa sơ thẩm chỉ giải yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Mỹ D mà không giải quyết yêu cầu phản tố của bà Lưu Tấn Thị O và Lưu Tấn Thị Ph, như vậy cấp sơ thẩm đã giải quyết thiếu yêu cầu của các đương sự. Đây là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

[3] Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lâm Thị Mỹ Ng có yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất 2.700m² tại các thửa 207, 208, 209, 210 cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Tr1, xã S, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh, hiện do bà Lâm Thị Mỹ H quản lý (biên bản hòa giải ngày 30/7/2015 – BL272 đến 274). Đến phiên hòa giải ngày 12/11/2015, bà Ng lại thay đổi yêu cầu không chia thừa kế đối với phần đất này nhưng bà Lưu Tấn Thị O lại yêu cầu chia thừa kế toàn bộ diện tích đất tại các thửa 192, 198, 207, 208, 209, 210 (BL275-276). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự thực hiện yêu cầu độc lập của mình để cùng giải quyết trong cùng vụ án chia thừa kế là thiếu sót, không giải quyết vụ án một cách toàn diện, triệt để.

[4] Những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm xác minh làm rõ chứng cứ và xét xử lại vụ án một cách toàn diện hơn, đảm bảo quyền lợi của tất cả các đương sự trong vụ án.

[5] Do bản án sơ thẩm bị hủy nên bà Lâm Thị Mỹ D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lâm Thị Mỹ D.

Hủy bản án sơ thẩm số 06/2016/DS-ST ngày 01/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết lại theo thủ tục chung.

Án phí phúc thẩm: Bà Lâm Thị Mỹ D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho bà Lâm Thị Mỹ D 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005313 ngày 22/6/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Trà Vinh(1);
- VKSND tỉnh Trà Vinh(1);
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh(1);
- NĐ (1)
- BD (1)
- NLQ (6)
- Lưu (5), 20b, HTKN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy